

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT



TRẦN ANH PHƯƠNG

**PHÁP LUẬT VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA ĐẠI LÝ THUẾ**

Ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 8380107

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT KINH TẾ

THỪA THIÊN HUẾ, năm 2023

Công trình được hoàn thành tại:
Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **TS. Trần Công Dũng**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn
thạc sĩ họp tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng năm.....

Trường Đại học Luật, Đại học Huế

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài.....	1
2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài.....	1
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	2
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	2
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu.....	2
6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận văn	3
7. Kết cấu của luận văn	3
Chương 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẠI LÝ THUẾ.....	3
1.1 .Khái quát về tổ chức và hoạt động của Đại lý thuế	3
1.1.1. Khái niệm Đại lý thuế	3
1.1.2. Đặc điểm về tổ chức và hoạt động của Đại lý thuế.....	3
1.1.3. Vai trò của Đại lý thuế	4
1.1.4. Tác động của Đại lý thuế	5
1.2. Khái quát pháp luật về tổ chức và hoạt động của Đại Lý Thuế.....	6
1.2.1. Khái niệm pháp luật về tổ chức và hoạt động của Đại Lý Thuế.....	6
1.2.2. Nội dung của pháp luật về tổ chức và hoạt động của Đại Lý Thuế.....	6
1.2.2.1. Nhóm quy định đối với người hành nghề Đại lý thuế	6
1.2.2.2. Nhóm quy định đối với việc thành lập và hoạt động của tổ chức hành nghề Đại lý thuế	6
1.2.3. Các quy định về quản lý hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế	7
Tiểu kết chương 1.....	7
Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẠI LÝ THUẾ Ở VIỆT NAM	8
2.1. Thực trạng pháp luật về đại lý thuế	8
2.1.1. Đối với người hành nghề Đại lý thuế.....	8
2.1.2. Đối với việc thành lập và hoạt động của tổ chức hành nghề Đại lý thuế.....	9
2.1.2.1. Điều kiện về việc thành lập của tổ chức hành nghề dịch vụ Đại lý thuế.....	9
2.1.2.2. Điều kiện về đăng ký hoạt động tổ chức hành nghề Đại lý thuế	9
2.1.3 Hợp đồng cung cấp dịch vụ Đại lý thuế.....	9
2.1.3.1 Hình thức, nội dung hợp đồng	9
2.1.3.2. Quyền, nghĩa vụ của Đại lý thuế trong hợp đồng	9
2.1.4. Các quy định về quản lý hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế	10

2.1.4.1. Các cơ quan quản lý hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế.....	10
2.1.4.2. Hoạt động kiểm tra, giám sát tổ chức hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế	11
2.1.5. Các nội dung khác	11
2.1.5.1. Phạm vi hoạt động.....	11
1.1.5.2. Các dịch vụ cung cấp.....	12
1.1.5.3. Đối tượng sử dụng dịch vụ.....	12
1.1.5.4. Trách nhiệm pháp lý của Đại lý thuế	13
2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về Đại lý thuế ở Việt Nam.....	13
2.2.1. Thực trạng hoạt động của Đại lý thuế ở Việt Nam	13
2.2.2. Những khó khăn vướng mắc trong hoạt động của Đại lý thuế	14
Tiểu kết chương 2.....	15
Chương 3. ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT, NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG ĐẠI LÝ THUẾ Ở VIỆT NAM	16
3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về tổ chức và hoạt động Đại lý thuế ở Việt Nam.....	16
3.1.1. Xây dựng, hoàn thiện pháp luật tổ chức và hoạt động đại lý thuế ở Việt Nam phải đảm bảo hài hòa lợi ích giữa người nộp thuế và Nhà nước.....	16
3.1.2. Pháp luật về tổ chức và hoạt động Đại lý thuế ở Việt Nam phải đảm bảo khả thi, tiện lợi, phù hợp với sự cải cách thủ tục hành chính.....	16
3.1.3. Pháp luật về tổ chức và hoạt động Đại lý thuế ở Việt Nam phải đảm bảo hội nhập quốc tế.....	16
3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật đối với hoạt động Đại lý thuế ở Việt Nam ...	17
3.2.1. Đối với người hành nghề dịch vụ Đại lý thuế	17
3.2.2. Đối với tổ chức hành nghề dịch vụ Đại lý thuế	18
3.2.3. Nội dung hoạt động của Đại lý thuế.....	19
3.2.4. Trách nhiệm pháp lý của Đại lý thuế	20
3.2.5. Hợp đồng cung cấp dịch vụ Đại lý thuế.....	21
3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về tổ chức và hoạt động đại lý thuế ở Việt Nam.....	22
Tiểu kết chương 3.....	23
PHẦN KẾT LUẬN	24

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Kê khai, nộp thuế là nghĩa vụ của mỗi người dân, cá nhân, tổ chức trong xã hội. Để thực hiện kê khai, nộp thuế đúng quy định trong thực tế là một việc tương đối khó khăn. Vì quy định pháp luật trong lĩnh vực thuế rất đa dạng, với nhiều sắc thuế, nhiều đối tượng nộp thuế có nghĩa vụ kê khai, nộp thuế khác nhau. Do đó, sự ra đời của Đại lý thuế là một giải pháp nhằm hỗ trợ người nộp thuế thực hiện tốt nghĩa vụ thuế của mình đồng thời tiết kiệm thời gian và chi phí tuân thủ pháp luật thuế. Đây là nội dung quan trọng trong hoạt động của nền kinh tế nước ta hiện nay, góp phần cụ thể hoá các chính sách thuế, giúp người nộp thuế kê khai, nộp thuế đúng và đủ theo quy định pháp luật, đại lý thuế là cầu nối giữa người nộp thuế với cơ quan thuế, thúc đẩy cải cách thủ tục hành chính thuế, hạn chế tham nhũng trong lĩnh vực thuế.

Ở Việt Nam, Đại lý thuế được pháp luật thừa nhận là một ngành nghề kinh doanh có điều kiện rất chặt chẽ. Tuy nhiên, từ khi hình thành năm 2007 đến nay số lượng Đại lý thuế trên cả nước còn rất hạn chế và chưa phát triển, chưa phát huy được chức năng là “cánh tay nối dài” của cơ quan thuế. Phải chăng do những quy định của pháp luật hiện hành và việc tổ chức thực hiện pháp luật về Đại lý thuế vẫn còn nhiều bất cập, chưa thúc đẩy được sự phát triển của hệ thống này. Mặt khác, khi hoạt động kinh doanh phát triển, việc đóng – thu thuế càng trở nên phức tạp hơn. Do đó, việc hoàn thiện hệ thống pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về đại lý thuế trở thành vấn đề rất cấp thiết. Vì vậy, tác giả quyết định chọn đề tài **“Pháp luật về tổ chức và hoạt động của Đại lý thuế”** để nghiên cứu những quy định pháp luật về tổ chức và hoạt động với hoạt động Đại lý thuế; tìm ra những vướng mắc còn tồn tại cần sửa đổi, bổ sung nhằm góp phần hoàn thiện hành lang pháp lý, tạo điều kiện để phát triển hệ thống Đại lý thuế ở Việt Nam.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Lĩnh vực pháp luật về tổ chức và hoạt động đại lý thuế thuế hiện nay đã có nhiều đề tài nghiên cứu nhưng riêng lĩnh vực Đại lý thuế cho đến nay các công trình nghiên cứu còn khá hạn chế. Tính đến nay, thông qua tìm hiểu thấy có một số nguồn công trình nghiên cứu liên quan tới đề tài như sau:

- “*Pháp luật về đại lý thuế ở Việt Nam*” - Luận văn thạc sĩ Luật học của Huỳnh Minh Đức, Trường Đại học Kinh tế TP.HCM

- Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Viện: “*Phát triển Đại lý thuế trong điều kiện Việt Nam hiện nay*” - TS. Nguyễn Thị Thanh Hoài - Học viện Tài chính chủ nhiệm năm 2020

- “*Pháp luật về tổ chức kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế*” - Luận văn Thạc sĩ Kinh tế của Trần Minh Hiệp (2019) - Trường Đại học Luật TP.HCM

- “*Phát triển dịch vụ thuế tại công ty TNHH Đại lý thuế Cường Linh*” - Luận văn Thạc sĩ Kinh tế của Ngô Thị Quỳnh Dung (2021) - Học viện Nông Nghiệp

- Rất nhiều bài viết đăng trên các tạp chí, Internet... như Báo Thanh Niên, Báo tuổi trẻ, Tạp chí tài chính và Tạp chí công thương....

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích của luận văn

Đề tài nhằm mục đích đánh giá quy định của pháp luật về tổ chức và hoạt động của đại lý thuế ở Việt Nam. Chỉ ra những bất cập và đưa ra một số giải pháp để hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về tổ chức và hoạt động của Đại lý thuế ở Việt Nam

3.2. Nhiệm vụ của luận văn

- Làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về Đại lý thuế theo quy định của pháp luật tại Việt Nam.

- Đánh giá thực trạng pháp luật và thực tiễn hoạt động của Đại lý thuế, những kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân.

- Đưa ra các giải pháp và đề xuất một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu hoạt động của tổ chức Đại lý thuế.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu : Pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về tổ chức và hoạt động đại lý thuế.

4.2. Phạm vi nghiên cứu:

Phạm vi thời gian: Giai đoạn 2017-2022

Phạm vi không gian: Pháp luật về tổ chức và hoạt động đại lý thuế tại Việt Nam

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận nghiên cứu

Đề giải quyết những nhiệm vụ đặt ra, luận văn được thực hiện dựa trên cơ sở lý luận khoa học và phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác – Lênin là chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Các phương pháp nghiên cứu được sử dụng trong luận văn bao gồm:

- Phương pháp hệ thống hóa, so sánh, trích dẫn tài liệu, phân tích lịch sử tổng hợp được sử dụng tại chương 1 của luận văn để làm rõ các khái niệm, sự cần thiết của hệ thống đại lý thuế và các quy định pháp luật về đại lý thuế.

- Phương pháp hệ thống hóa pháp luật, phân tích quy phạm pháp luật, đánh giá pháp luật được sử dụng tại Chương 1 nhằm làm rõ nội dung quy định pháp luật Việt Nam điều chỉnh hoạt động đại lý thuế.

- Phương pháp thống kê, quan sát sử dụng ở Chương 2 trong phần thực tiễn áp dụng pháp luật để làm rõ thực trạng áp dụng pháp luật về tổ chức và hoạt động của đại lý thuế.

- Sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp, đề xuất bổ sung quy phạm pháp luật ở Chương 2 của luận văn nhằm đề ra kiến nghị hoàn thiện pháp luật về tổ chức và hoạt động của đại lý thuế.

Các phương pháp này được sử dụng đan xen để thực hiện mục đích nghiên cứu mà luận văn đặt ra. Đặc biệt luận văn nhấn mạnh tới phương pháp

phân tích và tổng hợp bởi mục đích quan trọng là thông qua việc tìm hiểu, nghiên cứu các quy định của pháp luật hiện hành để tìm ra các điểm bất cập khi áp dụng trong thực tiễn và đưa ra giải pháp khắc phục trong tương lai.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận văn

- Về mặt lý luận: Luận văn sẽ bổ sung và góp phần hoàn thiện lý luận về pháp luật về tổ chức và hoạt động của đại lý thuế. Luận văn đóng góp về phương diện lý luận cho việc nghiên cứu pháp luật, xây dựng, hoàn thiện và thực thi pháp luật về tổ chức và hoạt động của đại lý thuế.

- Về mặt thực tiễn: Luận văn đánh giá thực tiễn và chỉ ra một số vướng mắc trong áp dụng pháp luật về tổ chức và hoạt động của đại lý thuế.

Đồng thời làm cơ sở để đưa ra các giải pháp cải thiện và nâng cao pháp luật về tổ chức và hoạt động đại lý thuế tại Việt Nam.

7. Kết cấu của luận văn

Bên cạnh mở đầu và kết luận thì luận văn gồm 3 chương chính:

Chương 1. Một số vấn đề lý luận pháp luật về tổ chức và hoạt động của đại lý thuế

Chương 2. Thực trạng pháp luật về tổ chức và hoạt động của đại lý thuế ở Việt Nam

Chương 3. Một số định hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về tổ chức và hoạt động đại lý thuế ở Việt Nam

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẠI LÝ THUẾ

1.1 .Khái quát về tổ chức và hoạt động của Đại lý thuế

1.1.1. Khái niệm Đại lý thuế

Như vậy, mặc dù có rất nhiều khái niệm về Đại lý thuế, nhưng các khái niệm này vẫn còn chung chung và chưa mô tả được bản chất của đại lý thuế. Do đó, theo tác giả có thể hiểu về khái niệm Đại lý thuế như sau: Đại lý thuế là một doanh nghiệp hoặc chi nhánh của doanh nghiệp được thành lập theo quy định pháp luật đóng vai trò trung gian cho người nộp thuế trong việc thực hiện các thủ tục về thuế hoặc một số dịch vụ khác với cơ quan quản lý thuế và có thu phí của người nộp thuế. Như vậy có thể thấy được rằng Đại lý thuế đóng vai trò quan trọng trong việc kết nối người nộp thuế và cơ quan thuế. Mối quan hệ giữa Nhà nước, các doanh nghiệp và người dân luôn là trọng tâm của việc xây dựng pháp luật nhằm có thể dung hòa lợi ích của cả ba bên đảm bảo phát triển bền vững.

1.1.2. Đặc điểm về tổ chức và hoạt động của Đại lý thuế

Các quy định về tổ chức Đại lý thuế được ghi nhận trong Luật quản lý thuế cũng như các văn bản liên quan. Trong đó, Đại lý thuế là một doanh nghiệp hoặc chi nhánh của doanh nghiệp được thành lập theo quy định pháp luật, do đó đặc trưng của các Đại lý Thuế cũng giống như đặc trưng của các loại hình doanh nghiệp. Các doanh nghiệp tại Việt Nam vốn rất đa dạng, phong phú nên với mỗi loại hình sẽ có những đặc điểm khác nhau. Song bên cạnh những đặc điểm riêng

nổi bật thì chúng đều mang những đặc điểm chung của doanh nghiệp như: Đại lý thuế có tính hợp pháp; Có tính tổ chức; Có hoạt động kinh doanh, cung cấp dịch vụ;

Ngoài ra, tổ chức và hoạt động của Đại lý thuế còn mang những đặc trưng riêng.

Thứ nhất, Điểm khác biệt đầu tiên của hoạt động Đại lý thuế là loại hình dịch vụ thuế do cá nhân, tổ chức không phải nhà nước thực hiện hay còn gọi là “dịch vụ thuế tư”, do tư nhân cung cấp. Khác với hoạt động “tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế” của cơ quan thuế nhà nước thường có nhiệm vụ phổ biến các chính sách thuế, hướng dẫn người nộp thuế tuân thủ các quy định pháp luật thuế, tạo điều kiện cho người nộp thuế thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

Thứ hai, vì đặc điểm của Đại lý thuế là “dịch vụ thuế” do tư nhân cung cấp nên đây là dịch vụ có trả phí và được trả thù lao theo thỏa thuận trong hợp đồng Đại lý thuế đã ký kết, gắn liền với lợi ích kinh tế của các bên. Ngược lại, dịch vụ thuế công do nhà nước thực hiện thì không tính phí, chi phí này do ngân sách nhà nước trả và người nộp thuế không phải chịu chi phí.

Thứ ba, Đại lý thuế là “ngành nghề kinh doanh có điều kiện” nên những cá nhân và tổ chức muốn hoạt động lĩnh vực này cần phải đáp ứng đủ điều kiện theo quy định pháp luật khi hoạt động và chịu sự giám sát chặt chẽ của cơ quan quản lý thuế. Trong quá trình hoạt động, Đại lý thuế luôn phải cập nhật các quy định pháp luật về thuế mới ban hành để cung cấp cho người sử dụng dịch vụ kịp thời.

Thứ tư, hoạt động Đại lý thuế là hoạt động “cung cấp dịch vụ đặc biệt”, chuyên sâu về thuế, mang tính chuyên nghiệp vì “*Đại lý thuế được quyền nhân danh chính mình để ký tên, đóng dấu và chịu trách nhiệm pháp lý về tính chính xác của chứng từ thuế, kế toán*”³³. Do đó, đội ngũ nhân viên Đại lý thuế phải có chứng chỉ hành nghề, đủ trình độ chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp. Đại lý thuế phải đảm bảo sự hài hoà về lợi ích giữa Đại lý thuế, người sử dụng dịch vụ và nhà nước thông qua việc đảm bảo người nộp thuế tuân thủ đúng quy định pháp luật thuế, độc lập với khách hàng và cơ quan thuế trong các quyết định của mình để đem lại lợi ích cho người nộp thuế, tuân thủ đúng quy định pháp luật về quản lý thuế của nhà nước.

Như vậy, với bốn đặc điểm đặc trưng trên của Đại lý thuế bao gồm: Dịch vụ thuế, dịch vụ thuế tư, ngành nghề kinh doanh có điều kiện và đặc điểm cung cấp dịch vụ đặc biệt, tác giả cho rằng những đặc điểm này có thể dễ dàng nhận biết được đặc trưng của Đại lý thuế so với đặc trưng của các loại hình Doanh nghiệp, tổ chức khác.

1.1.3. Vai trò của Đại lý thuế

Khi thành lập pháp nhân để kinh doanh thì buộc phải có sổ sách kế toán và kê khai, nộp thuế cho nhà nước theo đúng quy định pháp luật. Người làm tất cả những công việc đó là phòng kế toán của doanh nghiệp. Tuy nhiên, luật thuế thì rất rộng và thường xuyên thay đổi, do đó, người làm kế toán rất khó để có thể nắm bắt được hết các điểm thay đổi đó dễ dẫn đến việc kê khai sai, thiếu, hoặc thừa số thuế phải nộp. Hậu quả là doanh nghiệp bị truy thu và phạt thuế.

Đại lý thuế có vai trò:

- Đại lý thuế tư vấn giúp doanh nghiệp giảm thiểu rủi ro.
- Hỗ trợ rà soát dữ liệu và xử lý các sai phạm về thuế cùng đại lý thuế.
- Đại lý thuế chuẩn bị hồ sơ quyết toán thuế và báo cáo thuế hàng quý, hàng năm
- Đại lý thuế giúp kê khai và nộp báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn quý, kê khai và nộp báo cáo thuế giá trị gia tăng quý và báo cáo thuế thu nhập cá nhân (nếu có).
- Đại lý thuế, với đội ngũ chuyên viên nhiều năm kinh nghiệm, sẽ là cầu nối giữa doanh nghiệp và cơ quan thuế. Giúp bạn thực hiện đầy đủ các thủ tục theo đúng hạn, tránh những rủi ro không đáng có.

Ngoài ra, Đại lý thuế còn có các vai trò khác:

Thứ nhất: “giúp giảm khối lượng công việc của công chức thuế và tạo điều kiện tinh gọn bộ máy công chức ngành thuế”

Thứ hai: “tạo điều kiện thuận lợi giúp người nộp thuế tiếp cận với các chính sách thuế”

Thứ ba: “giúp người nộp thuế tiết kiệm được thời gian, chi phí tuân thủ pháp luật thuế”

1.1.4. Tác động của Đại lý thuế

Qua phân tích các vai trò của Đại lý thuế, có thể thấy được những tác động của hoạt động này đến người nộp thuế, cơ quan quản lý thuế và tình hình kinh tế - xã hội như sau:

Hoạt động Đại lý thuế góp phần phổ biến, tuyên truyền pháp luật thuế rộng rãi đến người nộp thuế, đặc biệt đối tượng nộp thuế là doanh nghiệp với mục tiêu tối ưu chi phí, tối đa hoá lợi nhuận. Dịch vụ Đại lý thuế luôn cần thiết vì có thể giúp doanh nghiệp tiết kiệm chi phí thuế trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh của mình.

Thúc đẩy quá trình thành lập doanh nghiệp mới đáp ứng nhu cầu khởi nghiệp, gia tăng số lượng doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp siêu nhỏ, hộ kinh doanh có động lực chuyển đổi thành doanh nghiệp. Một trong những rào cản khiến các hộ kinh doanh chưa chuyển đổi thành doanh nghiệp vì lo ngại vấn đề gia tăng công việc và chi phí cho hoạt động kế toán, sổ sách kế toán, kê khai thuế phức tạp hơn so với hộ kinh doanh đang áp dụng phương pháp tính thuế khoán đơn giản hơn doanh nghiệp. Tuy nhiên, khi có Đại lý thuế phụ trách phần này, những hộ kinh doanh sẽ mạnh dạn chuyển đổi thành doanh nghiệp.

Đại lý thuế phát triển sẽ làm cho người nộp thuế sử dụng dịch vụ của Đại lý thuế tăng lên, mục tiêu trong tương lai hầu hết các doanh nghiệp vừa và nhỏ, siêu nhỏ thực hiện kê khai thuế qua Đại lý thuế. Bộ máy kế toán của doanh nghiệp sẽ được tinh gọn khi sử dụng dịch vụ Đại lý thuế. Đây cũng là xu hướng của các nước trên thế giới như: Nhật Bản, Úc, Đức...phần lớn người nộp thuế đều kê khai qua Đại lý thuế.

Đại lý thuế có thể đáp ứng yêu cầu cho khách hàng kinh doanh nhiều lĩnh vực khác nhau nên có thể là cầu nối để các doanh nghiệp tiếp cận, giao lưu, trao đổi mua bán qua lại với nhau, giúp gia tăng cơ hội phát triển cho khách hàng

cũng như mang lại nhiều giá trị gia tăng cho Đại lý thuế.

1.2. Khái quát pháp luật về tổ chức và hoạt động của Đại Lý Thuế

1.2.1. Khái niệm pháp luật về tổ chức và hoạt động của Đại Lý Thuế

Pháp luật về tổ chức và hoạt động của Đại lý thuế bao gồm các quy định về việc thành lập, tổ chức, hoạt động của Đại lý thuế; Các quy định liên quan đến việc thi, cấp, thu hồi chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế; Quy định về thẩm quyền của các cơ quan nhà nước trong các hoạt động về thuế nhằm mục đích bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp các bên tham gia trong các hoạt động về thuế, đồng thời dung hòa lợi ích của cả ba bên giữa người nộp thuế, nhà nước và tổ chức hoạt động kinh doanh dịch vụ về các thủ tục thuế để đảm bảo phát triển bền vững.

1.2.2. Nội dung của pháp luật về tổ chức và hoạt động của Đại Lý Thuế

1.2.2.1. Nhóm quy định đối với người hành nghề Đại lý thuế

Đại lý thuế là tổ chức hoạt động kinh doanh dịch vụ về làm các thủ tục thuế, là doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ có điều kiện. Đại lý thuế được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Doanh nghiệp, thực hiện các thủ tục liên quan đến thuế theo thỏa thuận với cá nhân, tổ chức có nghĩa vụ nộp thuế. Điều kiện kinh doanh đại lý thuế Căn cứ theo Luật quản lý thuế 2019, ngoài việc tổ chức kinh doanh làm dịch vụ về thuế phải đảm bảo các điều kiện kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế: Là doanh nghiệp đã được thành lập theo quy định của pháp luật thì phải đáp ứng điều kiện sau về chủ thể:

Có ít nhất 02 người được cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế, làm việc toàn thời gian tại doanh nghiệp.

Cụ thể đối với người được cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ thuế phải có điều kiện dự thi để được cấp chứng chỉ hành nghề thuế như sau: ¹.

Những người sau đây không được làm nhân viên đại lý thuế:

- Cán bộ, công chức, viên chức; sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng; sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an;

- Người đang bị cấm hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế, kế toán, kiểm toán theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Người đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế liên quan đến thuế, tài chính, kế toán mà chưa được xóa án tích; người đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

- Người bị xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế, về kế toán, kiểm toán mà chưa hết thời hạn 06 tháng kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt trong trường hợp bị phạt cảnh cáo hoặc chưa hết thời hạn 01 năm kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt bằng hình thức khác.

1.2.2.2. Nhóm quy định đối với việc thành lập và hoạt động của tổ chức hành nghề Đại lý thuế

Điều kiện đối với việc thành lập tổ chức hành nghề dịch vụ Đại lý thuế

¹ Điều 4 - Thông tư số 10/2021/TT-BTC ngày 26/01/2021;

Theo quy định tại khoản 1 Điều 102 Luật quản lý thuế năm 2019 về Điều kiện cấp giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế thì trước tiên đây là Doanh nghiệp được thành lập theo quy định pháp luật.²

Theo quy định tại khoản 10 Điều 4 Luật Doanh nghiệp năm 2020 Doanh nghiệp là tổ chức có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch, được thành lập hoặc đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật nhằm mục đích kinh doanh. Điều kiện thành lập Doanh nghiệp: Điều kiện về chủ sở hữu; Điều kiện về tên công ty; Điều kiện về trụ sở chính của doanh nghiệp; Điều kiện về vốn; Điều kiện về con dấu.

Điều kiện đối với việc hoạt động của tổ chức hành nghề dịch vụ Đại lý thuế

Sau khi Doanh nghiệp được thành lập đảm bảo theo đúng quy định pháp luật, Doanh nghiệp phải làm thủ tục về thuế thực hiện đăng ký với Cục Thuế tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương để được cấp giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế theo quy định tại Khoản 22 điều 100 Luật quản lý thuế năm 2019.

1.2.3. Các quy định về quản lý hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế

Để Đại lý thuế hoạt động đạt hiệu quả cao trong hoạt động kinh doanh các dịch vụ thuế, Bộ tài chính ban hành quy định tại Thông tư 10/2021/TT-BTC ngày 26/01/2021 và Quyết định số 1521/QĐ-CTT ngày 22/9/2021 về việc ban hành quy trình quản lý hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế trong đó quy định các Cơ quan có thẩm quyền tiến hành các hoạt động kiểm tra, giám sát và thanh tra hoạt động về Thuế. Quá trình quản lý các tổ chức hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế bao gồm các bước công việc để thực hiện nhiệm vụ quản lý chứng chỉ hành nghề, bao gồm: cấp, thu hồi chứng chỉ hành nghề. Quy trình này do Bộ phận quản lý Đại lý thuế tại Tổng cục Thuế chịu trách nhiệm thực hiện với các công việc: tiếp nhận, xử lý, quản lý, lưu trữ hồ sơ cấp, thu hồi và điều chỉnh thông tin chứng chỉ hành nghề để đảm bảo việc giải quyết hồ sơ của người đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề được thực hiện đúng thủ tục, trình tự, thời gian theo quy định và cập nhật chính xác, đầy đủ thông tin, dữ liệu về thông tin chứng chỉ hành nghề vào cơ sở dữ liệu của ngành Thuế.

Tiểu kết chương 1

Đại lý thuế là một khái niệm không mới ở nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Sự ra đời của Đại lý thuế là một giải pháp nhằm hỗ trợ người nộp thuế thực hiện tốt nghĩa vụ thuế của mình đồng thời tiết kiệm thời gian và chi phí tuân thủ pháp luật thuế. Góp phần cụ thể hoá các chính sách thuế, giúp người nộp thuế kê khai, nộp thuế đúng và đủ theo quy định pháp luật. Đại lý thuế là cầu nối giữa người nộp thuế với cơ quan thuế, thúc đẩy cải cách thủ tục hành chính thuế, hạn chế tham nhũng trong lĩnh vực thuế. Trong thời gian qua, các công trình nghiên cứu, bài viết về Đại lý thuế tương đối ít, việc nghiên cứu chuyên sâu các đặc điểm, nội dung, vai trò và tác động của Đại lý thuế hiện nay góp phần phát triển bền vững nền kinh tế thị trường nước ta.

² Khoản 1 Điều 102 Luật quản lý thuế năm 2019;

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẠI LÝ THUẾ Ở VIỆT NAM

2.1. Thực trạng pháp luật về đại lý thuế

2.1.1. Đối với người hành nghề Đại lý thuế

Đại lý thuế là tổ chức hoạt động kinh doanh dịch vụ về làm các thủ tục thuế, là doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ có điều kiện. Đại lý thuế được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Doanh nghiệp, thực hiện các thủ tục liên quan đến thuế theo thỏa thuận với cá nhân, tổ chức có nghĩa vụ nộp thuế. Điều kiện kinh doanh đại lý thuế Căn cứ theo Luật quản lý thuế 2019, ngoài việc tổ chức kinh doanh làm dịch vụ về thuế phải đảm bảo các điều kiện kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế: Là doanh nghiệp đã được thành lập theo quy định của pháp luật thì phải đáp ứng điều kiện sau về chủ thể:

Có ít nhất 02 người được cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế, làm việc toàn thời gian tại doanh nghiệp.

Cụ thể đối với người được cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ thuế phải có điều kiện dự thi để được cấp chứng chỉ hành nghề thuế như sau: ³.

Người dự thi lấy chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế là người Việt Nam hoặc người nước ngoài được phép cư trú tại Việt Nam từ 12 tháng trở lên, phải có đủ các điều kiện sau đây:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc ngành, chuyên ngành kinh tế, thuế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật hoặc có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc các chuyên ngành khác mà có tổng số đơn vị học trình hoặc tín chỉ hoặc tiết học của các môn học kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế, phân tích hoạt động tài chính từ 7% trở lên trên tổng số học trình hoặc tín chỉ hoặc tiết học cả khóa học;

- Có thời gian công tác thực tế về thuế, tài chính, kế toán, kiểm toán từ 36 tháng trở lên. Thời gian công tác thực tế được tính cộng dồn từ thời gian tốt nghiệp ghi trên bằng đại học (hoặc sau đại học) đến thời điểm đăng ký dự thi;

- Nộp đầy đủ hồ sơ dự thi, chi phí dự thi theo quy định.”

Sau khi được đạt kết quả trong kỳ thi cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ thuế, để được Bộ tài chính cấp chứng chỉ người được cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế phải có các tiêu chuẩn sau đây: ⁴

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- Có trình độ từ đại học trở lên thuộc chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc chuyên ngành khác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính;
- Có thời gian công tác thực tế về tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế từ 36 tháng trở lên sau khi tốt nghiệp đại học;
- Đạt kết quả kỳ thi lấy chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế.

³ Điều 4 - Thông tư số 10/2021/TT-BTC ngày 26/01/2021;

⁴ Điều 105 Luật quản lý thuế năm 2019;

2.1.2. Đối với việc thành lập và hoạt động của tổ chức hành nghề Đại lý thuế

2.1.2.1. Điều kiện về việc thành lập của tổ chức hành nghề dịch vụ Đại lý thuế

Theo quy định tại khoản 1 Điều 102 Luật quản lý thuế năm 2019 về Điều kiện cấp giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế thì trước tiên đây là Doanh nghiệp được thành lập theo quy định pháp luật⁵. Theo quy định tại khoản 10 Điều 4 Luật Doanh nghiệp năm 2020 Doanh nghiệp là tổ chức có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch, được thành lập hoặc đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật nhằm mục đích kinh doanh

Điều kiện thành lập Doanh nghiệp: Điều kiện về chủ sở hữu; Điều kiện về tên công ty; Điều kiện về trụ sở chính của doanh nghiệp; Điều kiện về vốn; Điều kiện về con dấu.

2.1.2.2. Điều kiện về đăng ký hoạt động tổ chức hành nghề Đại lý thuế

Đại lý thuế là “ngành nghề kinh doanh có điều kiện”, vì vậy khi hoạt động kinh doanh phải đảm bảo các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật. Trước khi hoạt động Đại lý thuế phải lập bộ hồ sơ “đề nghị cấp giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh” gửi “Cục thuế cấp Tỉnh, Thành phố” nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính.

2.1.3 Hợp đồng cung cấp dịch vụ Đại lý thuế

2.1.3.1 Hình thức, nội dung hợp đồng

Đại lý thuế phải lập “hợp đồng bằng văn bản” đối với cá nhân, tổ chức sử dụng dịch vụ, đây là quy định bắt buộc đối với Đại lý thuế khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng. Phạm vi uỷ quyền thực hiện “nghĩa vụ thuế” của khách hàng đối với Đại lý thuế, “quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm” của các bên tham gia hợp đồng. “Hợp đồng đã ký kết giữa Đại lý thuế và người nộp thuế phải được thông báo cho cơ quan quản lý thuế biết về việc sử dụng dịch vụ thuế thông qua Đại lý thuế của người nộp thuế”. Đại lý thuế chỉ được ký hợp đồng với khách hàng khi đã được “cấp giấy xác nhận đủ điều kiện hành nghề dịch vụ Đại lý thuế” và “có tên trong danh sách Đại lý thuế đủ điều kiện hoạt động”.

pháp luật không quy định về hình thức hợp đồng cung cấp dịch vụ Đại lý thuế, vì vậy các bên có thể tự xác lập các “thỏa thuận” và ghi vào hợp đồng, đảm bảo các thông tin có liên quan, những thỏa thuận về “quyền và nghĩa vụ” của các bên tham gia hợp đồng. pháp luật chuyên ngành không yêu cầu hình thức hợp đồng nên có thể dựa vào quy định về “Hợp đồng dịch vụ” trong BLDS hiện hành nhằm đảm bảo các yếu tố hiệu lực hợp đồng và mẫu hợp đồng tham khảo sẵn có khi xác lập “hợp đồng bằng văn bản”.

“Nội dung hợp đồng” bao gồm “thỏa thuận” về các công việc Đại lý thuế sẽ thay mặt cho khách hàng thực hiện “nghĩa vụ thuế” thông qua việc “kê khai, nộp thuế” theo quy định và nhu cầu của khách hàng. Các nội dung hợp đồng là các dịch vụ mà Đại lý thuế cung cấp cho khách hàng, phạm vi và thời hạn khách hàng uỷ quyền cho

2.1.3.2. Quyền, nghĩa vụ của Đại lý thuế trong hợp đồng

Theo quy định hiện hành, khi thực hiện “hợp đồng dịch vụ” về thuế, Đại lý thuế có quyền: “Được thực hiện các thủ tục về thuế theo hợp đồng đã ký với

⁵ Khoản 1 Điều 102 Luật quản lý thuế năm 2019;

người nộp thuế. Yêu cầu người nộp thuế cung cấp đầy đủ, chính xác các chứng từ, hồ sơ, tài liệu và thông tin cần thiết liên quan tới việc làm thủ tục về thuế. Được thực hiện các quyền của người nộp thuế theo quy định của Luật quản lý thuế và theo hợp đồng đã ký

Nghĩa vụ của Đại lý thuế đối với người nộp thuế là phải thực hiện các “quyền và trách nhiệm” của người nộp thuế theo thoả thuận trong hợp đồng. Cụ thể, Đại lý thuế phải: “Đại diện khách hàng thực hiện thủ tục: khai thuế, nộp thuế, quyết toán thuế, lập hồ sơ đề nghị số tiền thuế được miễn, số tiền thuế được giảm, số tiền thuế được hoàn ...”

Luật quản lý thuế 2019 quy định: “Đại lý thuế Chịu trách nhiệm trước pháp luật và chịu trách nhiệm với người nộp thuế theo nội dung thoả thuận trong hợp đồng dịch vụ” Đồng thời Đại lý thuế phải: “Giữ bí mật thông tin cho tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ của Đại lý thuế”. Như vậy, bên cạnh nghĩa vụ của Đại lý thuế với người nộp thuế gắn với quyền lợi, còn có “nghĩa vụ của người nộp thuế” đã được chuyển giao cho Đại lý thuế. Quan hệ giữa người nộp thuế và Đại lý thuế phát sinh trên cơ sở hợp đồng dịch vụ Đại lý thuế, nghĩa vụ của Đại lý thuế phát sinh từ thoả thuận thông qua hợp đồng Đại lý thuế đã ký.

2.1.4. Các quy định về quản lý hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế

2.1.4.1. Các cơ quan quản lý hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế

Tổng cục Thuế là tổ chức thuộc Bộ Tài chính, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Tài chính quản lý nhà nước về các khoản thu nội địa trong phạm vi cả nước, bao gồm: thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác của ngân sách nhà nước; tổ chức quản lý thuế theo quy định của pháp luật. Tổng cục Thuế có tư cách pháp nhân, con dấu hình Quốc huy, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước, có trụ sở tại thành phố Hà Nội; Cơ quan Thuế ở địa phương là Cục Thuế ở các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo đơn vị hành chính cấp tỉnh (gọi chung là Cục Thuế cấp tỉnh) trực thuộc Tổng cục Thuế.

Chức năng của Tổng cục Thuế: Trong phạm vi nhiệm vụ về quyền hạn được quy định tại Thông tư 10/2021/TT-BTC hướng dẫn quản lý hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế, Tổng cục thuế có nhiệm vụ ban hành và tổ chức thực hiện các quy chế liên quan đến thi, cấp chứng chỉ hành nghề, cập nhật kiến thức, quản lý hoạt động hành nghề của đại lý thuế, nhân viên đại lý thuế theo quy định tại Thông tư này; chịu trách nhiệm chỉ đạo cơ quan thuế các cấp thực hiện quản lý hoạt động của các đại lý thuế và nhân viên đại lý thuế.⁶

Chức năng của Cục thuế: Cục Thuế (nơi đại lý thuế đóng trụ sở) quản lý, kiểm tra, đánh giá hoạt động hành nghề của đại lý thuế, nhân viên đại lý thuế trên địa bàn; công khai thông tin đánh giá chất lượng hành nghề của đại lý thuế và nhân viên đại lý thuế theo tiêu chí đánh giá, phân hạng đại lý thuế, nhân viên đại lý thuế do Tổng cục Thuế ban hành.⁷

Ngoài ra, trong hoạt động của Đại lý thuế còn có vai trò của Bộ tài chính trong việc thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động tổ chức thi, chấm thi, phúc

⁶ Khoản 2 điều 32 Thông tư 10/2021/TT-BTC ngày 26/01/2021;

⁷ Khoản 2 điều 32 Thông tư 10/2021/TT-BTC ngày 26/01/2021;

khảo kết quả thi cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế⁸. Bộ Tài chính quy định về việc tổ chức thi, điều kiện miễn môn thi; thủ tục cấp, thu hồi chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế; việc cập nhật kiến thức của nhân viên Đại lý thuế⁹.

2.1.4.2. Hoạt động kiểm tra, giám sát tổ chức hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế

Sau khi đi vào hoạt động, Đại lý thuế có trách nhiệm sau:¹⁰

- Kinh doanh dịch vụ theo đúng phạm vi ghi trong giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế đã được Cục Thuế cấp.

- Duy trì và đảm bảo các điều kiện được cấp giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế trong suốt thời gian hoạt động.

- Tuyển dụng và quản lý nhân viên đại lý thuế theo đúng quy định.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về thuế, pháp luật về kế toán doanh nghiệp và các quy định của pháp luật khác có liên quan khi thực hiện các dịch vụ theo hợp đồng đã ký với người nộp thuế.

- Không được thông đồng với công chức thuế, người nộp thuế để vi phạm pháp luật về thuế. Trường hợp đại lý thuế có hành vi giúp người nộp thuế thực hiện hành vi trốn thuế, khai thiếu thuế, vi phạm thủ tục về thuế thì người nộp thuế vẫn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về các sai phạm trên; đại lý thuế phải liên đới chịu trách nhiệm và chịu bồi thường cho người nộp thuế theo hợp đồng đã ký kết với người nộp thuế.

- Chấp hành các quy định về kiểm tra liên quan đến việc hành nghề kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế; thay mặt người nộp thuế cung cấp, giải trình theo yêu cầu của cơ quan thuế các thông tin, tài liệu trong phạm vi hợp đồng với người nộp thuế để chứng minh tính chính xác của hồ sơ khai thuế, nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế của người nộp thuế.

- Giữ bí mật thông tin cho người nộp thuế sử dụng dịch vụ của đại lý thuế.

- Gửi thông báo, báo cáo đến Cục Thuế qua cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế:

2.1.5. Các nội dung khác

2.1.5.1. Phạm vi hoạt động

Đối với cá nhân có “chứng chỉ hành nghề Đại lý thuế” không được hành nghề độc lập với “tư cách cá nhân”, chỉ được hành nghề tại tổ chức Đại lý thuế thông qua hình thức tuyển dụng bằng Hợp đồng lao động. Cá nhân có thể là thành viên sáng lập của Đại lý thuế khi kết hợp với cá nhân khác đã có chứng chỉ hành nghề để thành lập một Đại lý thuế. Tại một thời điểm, người có chứng chỉ hành nghề chỉ được hành nghề tại một Đại lý thuế duy nhất, không được cùng lúc hành nghề tại các Đại lý thuế khác nhau hoặc cho thuê chứng chỉ hành nghề nhưng thực tế không làm việc tại Đại lý thuế đó. Đại lý thuế phải có trách nhiệm “kiểm tra, xác nhận” các “điều kiện hành nghề” của nhân viên Đại lý thuế đang làm việc tại Đại lý thuế và “chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp

⁸ Khoản 1 điều 32 Thông tư 10/2021/TT-BTC ngày 26/01/2021;

⁹ Khoản 5 điều 105 Luật quản lý thuế năm 2019;

¹⁰ Điều 24 Thông tư 10/2021/TT-BTC ngày 26/01/2021;

pháp” của cá nhân hành nghề tại tổ chức đó.

1.1.5.2. Các dịch vụ cung cấp

Dịch vụ Đại lý thuế là “dịch vụ đặc biệt và có điều kiện” theo quy định pháp luật, chỉ có Đại lý thuế mới được cung cấp các “dịch vụ về thuế” cho người nộp thuế. Các dịch vụ Đại lý thuế được phép cung cấp cho người nộp thuế gồm: “*đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế, quyết toán thuế, lập hồ sơ đề nghị miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế và các thủ tục hành chính thuế khác thay người nộp thuế theo quy định của Luật quản lý thuế và hợp đồng dịch vụ đã ký kết*”. Đại lý thuế căn cứ vào quy định về các dịch vụ Đại lý thuế được phép cung cấp cho người nộp thuế để xác lập “hợp đồng dịch vụ” với khách hàng là người nộp thuế nhằm đáp ứng nhu cầu của người nộp thuế và tuân thủ đúng quy định pháp luật về dịch vụ Đại lý thuế.

Bên cạnh đó, Luật quản lý thuế 2019 đã bổ sung thêm một số dịch vụ Đại lý thuế được cung cấp cho người nộp thuế gồm: “*Dịch vụ tư vấn thuế; Dịch vụ kế toán cho doanh nghiệp siêu nhỏ*”. Đại lý thuế đã được phép cung cấp dịch vụ “*kế toán cho doanh nghiệp siêu nhỏ và dịch vụ tư vấn thuế*” cho khách hàng. Điều này đáp ứng nhu cầu hiểu biết pháp luật thuế của người nộp thuế thông qua dịch vụ tư vấn thuế của Đại lý thuế, là tổ chức hành nghề chuyên nghiệp về lĩnh vực thuế, không còn phụ thuộc vào bộ phận “*tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế*” của cơ quan thuế. Đồng thời đáp ứng nhu cầu về dịch vụ kế toán cho doanh nghiệp siêu nhỏ khá đông đảo trong nền kinh tế. Từ đó sẽ thống nhất dịch vụ thuế và kế toán, nâng cao hiệu quả dịch vụ và tối ưu chi phí cho doanh nghiệp siêu nhỏ thông qua dịch vụ Đại lý thuế.

1.1.5.3. Đối tượng sử dụng dịch vụ

Các “*đối tượng sử dụng dịch vụ*” của Đại lý thuế là người nộp thuế theo quy định pháp luật gồm:

Cá nhân, hộ gia đình có phát sinh nghĩa vụ nộp thuế đối với ngân sách nhà nước thông qua các “*giao dịch dân sự, kinh doanh, thu nhập từ chuyển nhượng tài sản, đăng ký kinh doanh, phát sinh thu nhập từ kinh doanh, tiền lương tiền công...*” có phát sinh nhu cầu về dịch vụ Đại lý thuế để được tư vấn thuế, thực hiện các thủ tục về kê khai, nộp thuế theo quy định pháp luật.

Người nộp thuế là *tổ chức kinh tế* như: công ty, doanh nghiệp tư nhân, tập đoàn kinh tế... được “*thành lập và hoạt động*” theo quy định pháp luật có liên quan đến các loại hình doanh nghiệp, có phát sinh “*nghĩa vụ thuế*” cần sử dụng các dịch vụ của Đại lý thuế hoặc có nhu cầu thuê dịch vụ thuế, kế toán độc lập bên ngoài tổ chức. Ngoài ra, “*đối tượng sử dụng dịch vụ*” Đại lý thuế còn có các đối tượng khác có phát sinh nghĩa vụ thuế, các khoản phải nộp ngân sách không thường xuyên có thể cần dịch vụ Đại lý thuế cho từng lần phát sinh, chẳng hạn như: kê khai, nộp thuế trước bạ, thuế sử dụng đất, thu nhập từ trúng thưởng, xổ số,... Có thể thấy “*đối tượng sử dụng dịch vụ*” Đại lý thuế rất đa dạng và rộng rãi, hầu hết các đối tượng nộp thuế đều có thể sử dụng dịch vụ của Đại lý thuế nếu có nhu cầu. Đây là cơ hội để Đại lý thuế mở rộng đối tượng khách hàng, người nộp thuế tuân thủ tốt pháp luật thuế, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý thuế của nhà nước.

1.1.5.4. Trách nhiệm pháp lý của Đại lý thuế

“Trách nhiệm” của Đại lý thuế đối với khách hàng thông qua thoả thuận trong “hợp đồng dịch vụ” đã ký kết giữa Đại lý thuế với khách hàng là người nộp thuế. Đại lý thuế chịu trách nhiệm thực hiện các “thủ tục về thuế” thay cho khách hàng như: “*kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế, thủ tục hoàn thuế, hồ sơ miễn, giảm thuế*” theo quy định pháp luật quản lý thuế. Đại lý thuế chịu trách nhiệm với khách hàng về nội dung dịch vụ cung cấp, trong phạm vi uỷ quyền, thời hạn uỷ quyền cho Đại lý thuế thực hiện các nghĩa vụ thuế thay cho mình, thể hiện qua thoả thuận giữa các bên ghi trong “hợp đồng dịch vụ” do Đại lý thuế cung cấp nhưng các thoả thuận không được trái với các quy định pháp luật. Đại lý thuế không được thoả thuận hoặc chấp nhận yêu cầu trái pháp luật của người nộp thuế nhằm ràng buộc trách nhiệm của Đại lý thuế, gây thiệt hại cho Đại lý thuế và sự chấp hành pháp luật thuế của khách hàng.

Đại lý thuế phải có trách nhiệm “giữ bí mật thông tin cho tổ chức, cá nhân, khách hàng sử dụng dịch vụ Đại lý thuế”. Vì khi cung cấp dịch vụ, Đại lý thuế thay mặt cho khách hàng thực hiện nghĩa vụ thuế nên được tiếp cận thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh, tài chính, kế toán, các thông tin quan trọng khác như: kế hoạch kinh doanh, danh sách khách hàng, bí mật kinh doanh, quyền sở hữu trí tuệ... Do đó, Đại lý thuế phải có trách nhiệm bảo mật thông tin khách hàng, “nếu khách hàng có đủ bằng chứng về việc Đại lý thuế tiết lộ thông tin, sử dụng thông tin vào mục đích không đúng gây thiệt hại cho mình thì có quyền kiến nghị cơ quan quản lý trực tiếp Đại lý thuế (Cục thuế) đình chỉ hoạt động của Đại lý thuế và phải bồi thường thiệt hại theo thoả thuận trong hợp đồng đã ký kết với khách hàng”.

2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về Đại lý thuế ở Việt Nam

2.2.1. Thực trạng hoạt động của Đại lý thuế ở Việt Nam

Ở Việt Nam, một số dịch vụ thuế đã được các công ty kiểm toán, công ty tư vấn tài chính, công ty dịch vụ kế toán cung cấp từ khá sớm, song cho đến trước khi Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 có hiệu lực thi hành thì chưa có quy định pháp lý quản lý hoạt động hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế (dịch vụ đại lý thuế). Do chưa có cơ sở pháp lý cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế, nên dịch vụ thuế được cung cấp trong thời kỳ này tập trung vào nhóm dịch vụ tư vấn thuế như: Tư vấn lập kế hoạch thuế, tư vấn lựa chọn phương án kinh doanh phù hợp với pháp luật thuế, tư vấn giải quyết tranh chấp về thuế giữa doanh nghiệp với cơ quan thuế...

Tính đến hết năm 2021, Việt Nam đã có gần 860.000 doanh nghiệp đang hoạt động, khoảng 15.300 hợp tác xã phi nông nghiệp và khoảng 5,1 triệu hộ kinh doanh. Với tổng dân số gần 100 triệu người, ước tính bình quân cứ 116 người dân có 1 doanh nghiệp. với mục tiêu đến năm 2025 cả nước có 1,3- 1,5 triệu doanh nghiệp.¹¹ Các địa phương tập trung nhiều doanh nghiệp đang hoạt động trên cả nước gồm: TP.HCM có khoảng 268.400 doanh nghiệp, Hà Nội gần 178.500 doanh nghiệp, Bình Dương hơn 37.600 doanh nghiệp, Đồng Nai hơn

¹¹ <https://thanhnien.vn/viet-nam-se-co-15-trieu-doanh-nghiep-1851508912.htm>

25.000 doanh nghiệp, Đà Nẵng hơn 24.700 doanh nghiệp, Hải Phòng hơn 19.800 doanh nghiệp.

Cũng trong năm 2021, cả nước có hơn 116.800 doanh nghiệp thành lập mới, 43.116 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, hơn 54.900 doanh nghiệp ngừng kinh doanh và hơn 16.700 doanh nghiệp giải thể.¹²

Đối với tình hình phát triển của các Đại lý thuế, đối tượng chủ yếu cung cấp dịch vụ thuế, kể từ khi xuất hiện năm 2008 đến nay, số lượng các đại lý thuế tăng chậm. Trung bình mỗi năm có thêm khoảng 50 đại lý thuế mới. Theo Tổng cục Thuế, số lượng đại lý thuế tính đến tháng 01/2022 là 817. So sánh với số lượng đăng ký mới doanh nghiệp hàng năm (khoảng từ 30.000 - 40.000 doanh nghiệp đăng ký mới hàng năm) thì mức độ tăng trưởng đại lý thuế là rất thấp. Đặc biệt, đặt trong tương quan nhu cầu dịch vụ làm thủ tục về thuế nói riêng và dịch vụ thuế nói chung của các doanh nghiệp trong nền kinh tế thì số lượng đại lý thuế còn rất ít. Hiện nay, cả nước có khoảng 700.000 doanh nghiệp đang hoạt động, với 98% là doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa (trong đó, khoảng 90% là doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ). Các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ là doanh nghiệp rất cần sử dụng dịch vụ làm thủ tục về thuế¹³.

Tuy sự phát triển chưa tương xứng với nhu cầu của nền kinh tế, song các Đại lý thuế nói riêng và các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ thuế nói chung đã đáp ứng nhu cầu dịch vụ thuế các doanh nghiệp trong nền kinh tế, tạo ra giá trị gia tăng cho xã hội, tạo công ăn việc làm cho nền kinh tế và thúc đẩy tính tuân thủ thuế của người nộp thuế.

2.2.2. Những khó khăn vướng mắc trong hoạt động của Đại lý thuế

Xem xét toàn diện sự phát triển của dịch vụ thuế ở Việt Nam có thể thấy, điểm yếu dễ thấy nhất trong phát triển dịch vụ thuế ở nước ta là số lượng các đại lý thuế còn ít, chưa khai thác hết nhu cầu tiềm năng về dịch vụ làm thủ tục về thuế trong nền kinh tế. Trong khi không ít doanh nghiệp còn lúng túng khi thực hiện các thủ tục thuế, thực hiện thủ tục thuế sai do không hiểu sâu pháp luật thuế (vô ý vi phạm pháp luật) dẫn đến bị xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế. Tuy chưa có số liệu khảo sát chính thức về số lượng người nộp thuế có nhu cầu sử dụng dịch vụ làm thủ tục về thuế nhưng dựa vào số lượng hàng chục nghìn vướng mắc hỏi trên website của cơ quan thuế các cấp, hỏi tại các hội nghị đối thoại của cơ quan thuế hay giữ văn bản hỏi cơ quan thuế, có thể thấy dịch vụ của các đại lý thuế chưa đáp ứng tốt nhu cầu của thị trường.

Theo quy định của Luật Quản lý thuế hiện hành, phạm vi của dịch vụ đại lý thuế chỉ làm thủ tục về thuế mà không được thực hiện các dịch vụ khác như dịch vụ kế toán. Điều này làm nảy sinh nhiều bất cập như: Doanh nghiệp muốn thuê ngoài dịch vụ kế toán, kê khai thuế thì buộc phải thuê hai đơn vị cùng một lúc (một đơn vị cung cấp dịch vụ đại lý thuế và một đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán). Điều này gây khó khăn về chi phí cho doanh nghiệp vì các đối tượng sử dụng dịch vụ này chủ yếu là các doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ. Một trong những

¹² <https://tuoitre.vn/sach-trang-doanh-nghiep-viet-nam-2022-cho-thay-dieu-gi-20221123145745489.htm>

¹³ <https://tapchitaichinh.vn/phan-trien-lanh-manh-dich-vu-thue-o-viet-nam.html>

lực cản khiến hộ kinh doanh không hề muốn trở thành doanh nghiệp chính là vấn đề phức tạp và chi phí cho hoạt động kế toán, làm thuế.

Tiểu kết chương 2

Qua nghiên cứu chương 2 của luận văn, tác giả phân tích thực tiễn áp dụng các quy định pháp luật về điều kiện trở thành nhân viên Đại lý thuế, điều kiện hoạt động của Đại lý thuế. Nghiên cứu về thực tiễn hoạt động cung cấp dịch vụ của tổ chức Đại lý thuế, số lượng tổ chức Đại lý thuế đang hoạt động. Sự phát triển của hệ thống Đại lý thuế hiện nay. Qua đó đưa ra nhận xét về thực tiễn áp dụng pháp luật đối với hoạt động của Đại lý thuế, nêu những vấn đề bất cập còn tồn tại trong quy định pháp luật về Đại lý thuế ảnh hưởng đến hoạt động hành nghề của cá nhân, tổ chức Đại lý thuế và sự phát triển của hệ thống Đại lý thuế ở Việt Nam. Từ đó, tác giả đề xuất một số kiến nghị hoàn thiện quy định pháp luật điều chỉnh hoạt động Đại lý thuế ở Việt Nam.

Chương 3

ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT, NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG ĐẠI LÝ THUẾ Ở VIỆT NAM

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về tổ chức và hoạt động Đại lý thuế ở Việt Nam

3.1.1. Xây dựng, hoàn thiện pháp luật tổ chức và hoạt động đại lý thuế ở Việt Nam phải đảm bảo hài hòa lợi ích giữa người nộp thuế và Nhà nước

Sự ra đời của thuế gắn liền với sự ra đời của nhà nước. Nếu không có thuế, nhà nước không có đủ điều kiện tiềm lực kinh tế để duy trì hoạt động cũng như thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình. Nguồn thu ngân sách Nhà nước có tới 90% được tạo lập từ thuế. Chỉ khi cho thuế tính quyền lực thì thuế mới đảm bảo thực hiện thu thuế một cách hiệu quả nhất, tạo lập được ngân sách quốc gia. Có thể thấy, thuế có vị trí và vai trò hết sức quan trọng trong đời sống kinh tế xã hội. Có thể nói, thuế là nguồn thu cho Ngân sách nhà nước, là khoản thu quan trọng nhất, mang tính chất ổn định lâu dài và khi nền kinh tế càng phát triển thì khoản thu này càng tăng.

3.1.2. Pháp luật về tổ chức và hoạt động Đại lý thuế ở Việt Nam phải đảm bảo khả thi, tiện lợi, phù hợp với sự cải cách thủ tục hành chính.

Trước yêu cầu cải cách quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các quy định thủ tục hành chính trong lĩnh vực thuế nói riêng, đặc biệt là những thủ tục liên quan trực tiếp đến người nộp thuế. Ngành thuế yêu cầu xác định rõ công tác kiểm soát thủ tục hành chính là việc làm thường xuyên của các đơn vị, trong đó nhiệm vụ trọng tâm là đơn giản hóa thủ tục hành chính và giảm gánh nặng hành chính cho người nộp thuế. Đồng thời, tiếp tục kiểm soát chặt chẽ việc ban hành thủ tục hành chính, nâng cao hiệu quả công tác phối hợp giữa các đơn vị trong quá trình lấy ý kiến và tham gia ý kiến văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thủ tục hành chính, đảm bảo chỉ ban hành những thủ tục cần thiết, hợp lý, hợp pháp và có chi phí tuân thủ thấp nhất. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tập trung nghiên cứu, đề xuất các sáng kiến cải cách thủ tục, đặc biệt là các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của người nộp thuế. Cơ quan thuế đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền về cải cách thủ tục hành chính, tích cực phối hợp với các cơ quan báo chí trong và ngoài ngành đẩy mạnh công tác tuyên truyền cải cách thủ tục hành chính nhằm phổ biến, nâng cao nhận thức của người nộp thuế, các tổ chức cá nhân và cán bộ, công chức về công tác này.

3.1.3. Pháp luật về tổ chức và hoạt động Đại lý thuế ở Việt Nam phải đảm bảo hội nhập quốc tế.

Việc hoàn thiện các quy định pháp luật về tổ chức và hoạt động đại lý thuế tạo điều kiện cho nền kinh tế được phát triển ổn định. Do đó, việc hoàn thiện pháp luật về tổ chức và hoạt động đại lý thuế phải tương thích và phù hợp với các quy định của pháp luật quốc tế, phù hợp với định hướng phát triển nền kinh tế xã hội chủ nghĩa theo hướng hội nhập quốc tế.

Trong bối cảnh Việt Nam hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng đã tạo ra nhiều cơ hội và thách thức cho nền kinh tế và tác động trực tiếp đến nguồn thu ngân sách quốc gia; nhiều chính sách thuế phải điều chỉnh theo các yêu cầu, điều kiện đã cam kết quốc tế (WTO, các cam kết mậu dịch tự do khi vực và song phương,...) cùng với tác động tiêu cực của khủng hoảng tài chính tiền tệ thế giới và giá dầu mỏ giảm... làm giảm số thu ngân sách, đòi hỏi cơ quan thuế phải đo lường, đánh giá được những tác động này để cơ cấu lại hệ thống thuế, mở rộng cơ sở thuế để tăng thu nội địa, đảm bảo nhu cầu chi tiêu của ngân sách theo mục tiêu Chiến lược đã đề ra. Đồng thời với xu thế cải cách chung của nền hành chính để nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, Chính phủ Việt Nam đã ban hành các Nghị quyết về cải cách hành chính nhằm cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp, cơ quan thuế đã thực hiện nhiều giải pháp để rút ngắn thời gian và đơn giản hoá thủ tục, ứng dụng công nghệ thông tin để tiết kiệm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp ngang bằng với các nước trong khu vực.

3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật đối với hoạt động Đại lý thuế ở Việt Nam

3.2.1. Đối với người hành nghề dịch vụ Đại lý thuế

Tiêu chuẩn của người được cấp chứng chỉ hành nghề

Theo quy định hiện hành, cá nhân phải được cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại lý thuế mới được phép hành nghề và làm việc tại các tổ chức đại lý thuế. So với Luật Quản lý thuế năm 2006, Luật Quản lý thuế năm 2019 đã nâng cao yêu cầu về trình độ chuyên môn, thâm niên công tác của cá nhân muốn được cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ thuế, nhằm nâng cao chất lượng, trình độ của đội ngũ hành nghề dịch vụ thuế. Tuy nhiên, ngoài các điều kiện về năng lực hành vi dân sự đầy đủ, trình độ chuyên môn, thâm niên công tác trong lĩnh vực tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế, thì trong Luật Quản lý thuế 2019 cũng như Thông tư số 10/2021/TT-BTC không có quy định tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, ý thức chấp hành pháp luật, tiêu chuẩn này cũng không được đặt ra đối với nhân viên đại lý thuế.

Cần thiết phải có quy định về tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp với người muốn được cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ thuế, cũng như nhân viên đại lý thuế.

Cần có quy định về việc người đại diện theo pháp luật, người sáng lập, điều hành doanh nghiệp hành nghề đại lý thuế phải có chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế, quy định rõ về quyền và trách nhiệm của người có chứng chỉ hành nghề đại lý thuế thành lập tổ chức hành nghề đại lý thuế.

Đối tượng không được làm nhân viên Đại lý thuế

Tác giả đề xuất đối với đối tượng vi phạm pháp luật về thuế, hải quan, kiểm toán bị xử phạt hành chính cần quy định sau thời gian từ “03 – 05 năm” kể từ ngày có “quyết định xử phạt” mới được cấp “chứng chỉ hành nghề Đại lý thuế”.

Ngoài ra, cần bổ sung thêm quy định “cấm hành nghề vĩnh viễn” đối với nhân viên Đại lý thuế vi phạm bị “thu hồi chứng chỉ hành nghề” và trường hợp bị “truy cứu trách nhiệm hình sự” về tội trốn thuế do hành vi vi phạm pháp luật

của nhân viên Đại lý thuế. “Rút giấy phép và cấm kinh doanh dịch vụ Đại lý thuế vĩnh viễn” đối với tổ chức hành nghề nếu có hành vi thông đồng với cán bộ thuế hoặc người nộp thuế thực hiện hành vi trốn thuế gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước, ảnh hưởng đến uy tín nghề nghiệp.

3.2.2. Đối với tổ chức hành nghề dịch vụ Đại lý thuế

Điều kiện đối với tổ chức hành nghề dịch vụ Đại lý thuế

Theo quy định tại Điều 101 Luật Quản lý thuế năm 2019, đại lý thuế là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, thực hiện các dịch vụ theo thỏa thuận với người nộp thuế. Như vậy, theo quy định trên, tại Việt Nam chỉ cho phép các doanh nghiệp được thực hiện hoạt động đại lý thuế mà không cho phép cá nhân thực hiện hoạt động này.

Để nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu, chủ sở hữu tổ chức hành nghề dịch vụ Đại lý thuế, cần quy định người đại diện pháp luật, chủ sở hữu hoặc các thành viên sáng lập tổ chức hành nghề Đại lý thuế phải có “chứng chỉ hành nghề”.

Cần thiết phải có chính sách “ưu đãi thuế, ưu đãi đầu tư”, khuyến khích thành lập tổ chức kinh doanh dịch vụ Đại lý thuế để thúc đẩy sự ra đời và hoạt động của Đại lý thuế như miễn thuế môn bài, miễn hoặc giảm thuế thu nhập doanh nghiệp trong “05 năm” đầu mới thành lập. Đồng thời có chính sách “miễn, giảm” thuế thu nhập cá nhân đối với nhân viên Đại lý thuế để “khuyến khích” cá nhân có “chứng chỉ hành nghề” tham gia hoạt động hành nghề nhiều hơn. “Khuyến khích” người nộp thuế khai thuế, thực hiện nghĩa vụ thuế thông qua Đại lý thuế cũng như tạo điều kiện thuận lợi và ưu tiên đối với hồ sơ thuế; miễn, giảm thuế trong thời gian người nộp thuế sử dụng dịch vụ Đại lý thuế.

Đề xuất quy định về thành lập “Hiệp hội Đại lý thuế Việt Nam” hoặc chuyển đổi “Hội tư vấn thuế Việt Nam” thành “Hiệp hội Đại lý thuế Việt Nam” và các “Chi hội Đại lý thuế” ở các tỉnh, thành phố. Quy định bắt buộc cá nhân, tổ chức hành nghề dịch vụ Đại lý thuế phải đăng ký là “thành viên” của Hiệp hội trước khi hành nghề. Hiệp hội kết hợp với các “Chi hội” có nhiệm vụ giám sát hoạt động hành nghề, khen thưởng, kỷ luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến hoạt động Đại lý thuế, đảm bảo hoạt động hành nghề tuân thủ đúng quy định pháp luật. Vì đây là hoạt động hành nghề “cung cấp dịch vụ” Đại lý thuế nên cần phải có “Hiệp hội nghề nghiệp” với “thành viên” là những người đang hành nghề tham gia quản lý hoạt động nghề nghiệp là phù hợp. “Hiệp hội Đại lý thuế” sẽ quản lý hoạt động hành nghề dịch vụ Đại lý thuế thay cho cơ quan thuế đồng thời là “cầu nối” giữa người hành nghề, người sử dụng dịch vụ với cơ quan thuế.

Đăng ký xác nhận đủ điều kiện kinh doanh của tổ chức Đại lý thuế

Trường hợp các doanh nghiệp đang hoạt động những lĩnh vực khác muốn trở thành Đại lý thuế mới cần phải thực hiện thủ tục “xác nhận đủ điều kiện kinh doanh” trước khi hoạt động kinh doanh dịch vụ Đại lý thuế. Đối với doanh nghiệp đang thực hiện thủ tục nộp hồ sơ “xác nhận đủ điều kiện kinh doanh” nên gọi là “tổ chức nộp hồ sơ” thay vì gọi là Đại lý thuế để tránh nhầm lẫn giữa tổ chức chưa phải là Đại lý thuế với những Đại lý thuế đã đủ điều kiện kinh doanh.

Thay đổi nội dung hoạt động của Đại lý thuế

Luật Quản lý thuế năm 2019 đã mở rộng phạm vi lĩnh vực hoạt động của đại lý thuế so với các quy định trước đó bằng việc cho phép đại lý thuế ngoài làm các thủ tục về thuế còn được thực hiện dịch vụ tư vấn thuế, dịch vụ kế toán cho doanh nghiệp siêu nhỏ. Việc mở rộng phạm vi hoạt động của đại lý thuế, đặc biệt là việc cho phép đại lý thuế được làm dịch vụ kế toán cho doanh nghiệp siêu nhỏ được đánh giá là phù hợp với yêu cầu thực tiễn, nâng cao vai trò của đại lý thuế, tiết kiệm chi phí xã hội, giảm gánh nặng cho cơ quan thuế cũng như giúp doanh nghiệp siêu nhỏ tiết giảm được chi phí.

Nhà nước đang có chủ trương xã hội hóa hoạt động hỗ trợ người nộp thuế nhằm tăng số lượng đại lý thuế và nâng cao chất lượng dịch vụ do đại lý thuế cung cấp. Tuy nhiên, đối với đại lý thuế hiện nay, chủ yếu hoạt động mang tính chất đơn lẻ, độc lập mà không có sự gắn kết. Hiện tại, ở Việt Nam, Hội Tư vấn thuế Việt Nam với tư cách là một tổ chức xã hội - nghề nghiệp thành lập trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng của các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế của Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ làm thủ tục về thuế, dịch vụ tư vấn thuế hoặc có liên quan đến thuế trên phạm vi cả nước..... Cần có một hiệp hội nghề nghiệp thống nhất trong phạm vi toàn quốc để quản lý hoạt động hành nghề dịch vụ đại lý thuế giúp cho cơ quan thuế, đồng thời bảo vệ được quyền lợi của hội viên, tạo sự gắn kết giữa các thành viên trong Hội, đảm bảo việc hành nghề đúng quy định pháp luật.

3.2.3. Nội dung hoạt động của Đại lý thuế

Phạm vi hoạt động của Đại lý thuế

Phạm vi hoạt động của nhân viên Đại lý thuế hiện nay bị giới hạn hơn so với nhân viên kiểm toán hành nghề tại công ty kiểm toán độc lập có chứng chỉ hành nghề Đại lý thuế. Công ty kiểm toán cung cấp dịch vụ Đại lý thuế sẽ đồng thời cung cấp dịch vụ kế toán và kiểm toán, trừ trường hợp vừa “cung cấp dịch vụ kế toán và kiểm toán cho cùng một đơn vị”. Trong khi Đại lý thuế mới chỉ được phép cung cấp “dịch vụ kế toán” cho doanh nghiệp siêu nhỏ. Vì vậy, cần quy định người có chứng chỉ hành nghề kiểm toán viên và chứng chỉ hành nghề dịch vụ Đại lý thuế chỉ được lựa chọn hành nghề một trong hai lĩnh vực, nếu hành nghề dịch vụ Đại lý thuế thì “không được” làm kiểm toán viên và ngược lại, đã nằm trong danh sách nhân viên Đại lý thuế tại tổ chức Đại lý thuế hoặc công ty kiểm toán thì “không được” làm kiểm toán viên. Quy định này nâng cao tính chuyên môn đối với người hành nghề, tránh tình trạng các công ty kiểm toán có thâm niên, uy tín trong lĩnh vực kiểm toán “lấn sân” sang lĩnh vực dịch vụ Đại lý thuế.

Các dịch vụ cung cấp

Cần có giải pháp hiện thực hoá các dịch vụ chưa được người nộp thuế biết đến và sử dụng thường xuyên, mang lại lợi ích cho người nộp thuế cũng như phía tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý thuế. Cụ thể như cơ quan thuế giao cho Đại lý thuế thực hiện “quyết toán thuế” đối với doanh nghiệp giải thể theo “đơn đặt hàng” của cơ quan thuế đối với những doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ, thực hiện nghĩa vụ thuế tốt. cơ quan thuế sử dụng “kết quả” quyết toán thuế do Đại lý thuế

cung cấp để giải quyết thủ tục đóng mã số thuế, hoàn tất nghĩa vụ thuế để người nộp thuế tiếp tục thực hiện thủ tục giải thể tại cơ quan đăng ký kinh doanh. Điều này sẽ giảm bớt “gánh nặng” cho cơ quan thuế, cán bộ thuế có thời gian giải quyết những hồ sơ thuế khác cũng như tập trung hoàn thành các nhiệm vụ “thanh tra, kiểm tra thuế” đối với người nộp thuế đang hoạt động kinh doanh.

Cần mở rộng quy định cho phép tổ chức kinh doanh dịch vụ Đại lý thuế được cung cấp “dịch vụ kế toán” cho doanh nghiệp nhỏ, vì hiện quy mô của loại doanh nghiệp này tương đối nhỏ, chủ yếu là công ty gia đình, mô hình quản lý “đơn giản gọn nhẹ” nên công việc kế toán, chứng từ sổ sách không phát sinh nhiều và thường xuyên. Vì vậy, để giảm áp lực cho kế toán tại doanh nghiệp, giảm chi phí thuê dịch vụ kế toán, nên giao cho Đại lý thuế cung cấp dịch vụ kế toán cho doanh nghiệp nhỏ đồng thời kết hợp cung cấp dịch vụ Đại lý thuế.

Đổi tượng sử dụng dịch vụ

Cơ quan thuế cần có chính sách đẩy mạnh “tuyên truyền, khuyến khích” người nộp thuế sử dụng dịch vụ Đại lý thuế cung cấp để thực hiện các nghĩa vụ thuế phát sinh thường xuyên, định kỳ. Khuyến khích cá nhân quyết toán thuế thu nhập hàng năm thông qua Đại lý thuế để tiết kiệm thời gian, công sức khi thuộc diện phải tự quyết toán với cơ quan thuế. Có lộ trình từ “khuyến khích” đến “bắt buộc” hộ kinh doanh, doanh nghiệp siêu nhỏ và hướng đến doanh nghiệp vừa và nhỏ phải khai thuế thông qua Đại lý thuế. Cơ quan thuế đã thành công khi thực hiện lộ trình chuyển đổi hình thức khai thuế “truyền thống” qua hình thức “khai thuế điện tử, nộp thuế điện tử, hoá đơn điện tử”, thông qua “chữ ký số” trong giao dịch điện tử với cơ quan thuế đã và đang thực hiện rất hiệu quả. Vì thực tiễn hiện nay, người nộp thuế chưa biết đến và chưa “mặn mà” với dịch vụ Đại lý thuế, một trong những nguyên nhân đó là người nộp thuế quen với việc sử dụng “dịch vụ kế toán” truyền thống, chưa có quy định “bắt buộc” người nộp thuế phải kê khai thuế thông qua Đại lý thuế.

3.2.4. Trách nhiệm pháp lý của Đại lý thuế

Cần có chế tài xử lý triệt để những loại hình dịch vụ tương tự Đại lý thuế nhưng không phải tổ chức hành nghề Đại lý thuế hợp pháp cũng như xử phạt mạnh tay người nộp thuế sử dụng dịch vụ của những dịch vụ này. Giúp người nộp thuế ý thức được trách nhiệm pháp lý của những dịch vụ mình đang sử dụng không cao, không được pháp luật bảo vệ.

Cần có chế tài xử lý nghiêm những nhân viên Đại lý thuế hoặc tổ chức Đại lý thuế cố tình vi phạm pháp luật thuế, “bắt tay” với cán bộ thuế, thông đồng với người nộp thuế thực hiện hành vi gian lận, trốn thuế. Cụ thể, cần đẩy mạnh công tác điều tra, khởi tố hình sự về tội trốn thuế nếu Đại lý thuế, nhân viên Đại lý thuế có dấu hiệu vi phạm pháp luật thuế. Bên cạnh đó, tăng cường kiểm tra, giám sát xử lý vi phạm của hoạt động hành nghề Đại lý thuế, áp dụng hình thức “thu hồi” chứng chỉ hành nghề “vĩnh viễn”, “cấm” thành lập và kinh doanh dịch

vụ Đại lý thuế đối với người đứng đầu tổ chức Đại lý thuế “vô thời hạn” nêu vi phạm. Với những chế tài như vậy sẽ đủ sức “răn đe” những cá nhân, tổ chức hành nghề dịch vụ Đại lý thuế, đồng thời tạo cho người nộp thuế niềm tin, thấy được trách nhiệm của Đại lý thuế đối với nhà nước, nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật khi hành nghề, kinh doanh dịch vụ Đại lý thuế.

Cần “tuyên truyền, tập huấn” cho người nộp thuế về những trách nhiệm của Đại lý thuế đối với khách hàng khi cung cấp dịch vụ Đại lý thuế. Chẳng hạn, khi sử dụng dịch vụ người nộp thuế phải yêu cầu Đại lý thuế lập “hợp đồng dịch vụ” Đại lý thuế theo các thoả thuận giữa người nộp thuế và Đại lý thuế, nội dung thoả thuận phải phù hợp với quy định pháp luật. người nộp thuế chỉ sử dụng dịch vụ của Đại lý thuế khi hai bên đã ký hợp đồng và thực hiện thủ tục thông báo đến cơ quan thuế quản lý người nộp thuế.

Đề xuất bổ sung quy định “bắt buộc” tổ chức dịch vụ Đại lý thuế phải “mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp” tương tự như một số lĩnh vực nghề nghiệp khác giúp khách hàng an tâm, tin tưởng chuyển giao quyền và nghĩa vụ thuế của mình cho Đại lý thuế đảm nhiệm. Đối với Đại lý thuế, khi đã có “bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp” sẽ mạnh dạn, tự tin đảm bảo với khách hàng về chất lượng dịch vụ đồng thời chấp nhận những rủi ro phát sinh trong quá trình hành nghề, hạn chế thiệt hại khi xảy ra sai sót phải bồi thường cho khách hàng.

3.2.5. Hợp đồng cung cấp dịch vụ Đại lý thuế

Hình thức, nội dung hợp đồng

Để đảm bảo “quyền và nghĩa vụ” của các bên cũng như có căn cứ giải quyết khi có tranh chấp xảy ra giữa Đại lý thuế và khách hàng sử dụng dịch vụ Đại lý thuế. Cần có quy định cụ thể về “hình thức” hợp đồng Đại lý thuế, gợi ý những “mẫu hợp đồng” tham khảo. Hợp đồng có thể lập thành “văn bản” ký đóng dấu trực tiếp hoặc thông qua “giao dịch điện tử” dùng “chữ ký số” để ký. Trường hợp thoả thuận “xác lập qua email” cũng phải được lập thành “văn bản” để thông báo đến cơ quan thuế quản lý. Đồng thời, quy định chế tài xử phạt nặng hơn đối với các trường hợp Đại lý thuế cố tình không ký hợp đồng với người nộp thuế để trốn tránh trách nhiệm và sự quản lý của cơ quan thuế. Xử phạt người nộp thuế sử dụng dịch vụ Đại lý thuế không lập hợp đồng hoặc có lập nhưng không thông báo cho cơ quan thuế biết để quản lý, giám sát hoạt động thực hiện nghĩa vụ thuế của người nộp thuế thông qua Đại lý thuế. Trường hợp người nộp thuế ký hợp đồng sử dụng các dịch vụ của những tổ chức, cá nhân cung cấp “tương tự” dịch vụ của Đại lý thuế không được pháp luật thừa nhận cũng phải bị xử lý nghiêm. Điều này giúp người nộp thuế ý thức được trách nhiệm của mình khi thực hiện nghĩa vụ thuế, nâng cao trách nhiệm của người hành nghề, tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý thuế, hạn chế và đi đến “xoá bỏ” những dịch vụ tương tự Đại lý thuế nhưng không đủ điều kiện trở thành Đại lý thuế, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Đại lý thuế và người nộp thuế.

Quyền, nghĩa vụ của Đại lý thuế

Pháp luật hiện hành đã quy định về “quyền và nghĩa vụ” của Đại lý thuế, nhưng trong thực tế Đại lý thuế và người nộp thuế sử dụng dịch vụ Đại lý thuế vẫn chưa thực hiện đúng và đầy đủ. Do đó, cần quy định những nội dung chính

về các “quyền, nghĩa vụ” cơ bản của Đại lý thuế cần phải có trong thoả thuận hợp đồng dịch vụ Đại lý thuế để đảm bảo “quyền, nghĩa vụ” theo quy định pháp luật về thuế và hoạt động của Đại lý thuế. Tránh trường hợp thoả thuận “trái pháp luật” dẫn đến hợp đồng bị “vô hiệu”. Bên cạnh những nội dung, điều khoản bắt buộc theo quy định thì cần có những điều khoản “tùy nghi” để Đại lý thuế và người nộp thuế tự do thoả thuận với nhau nhưng không trái đạo đức xã hội, thuần phong mỹ tục, không vi phạm pháp luật có liên quan khác. Đại lý thuế chỉ được thực hiện các quyền của mình, nhân danh người nộp thuế thực hiện “quyền, nghĩa vụ” thuế khi các quyền đó được pháp luật cho phép và tuân thủ đúng nghĩa vụ luật định. Đại lý thuế chịu trách nhiệm với người nộp thuế thông qua hợp đồng, thực hiện “quyền và nghĩa vụ” của Đại lý thuế với người nộp thuế theo thoả thuận trong phạm vi pháp luật cho phép. Nếu người nộp thuế yêu cầu Đại lý thuế thực hiện những quyền và nghĩa vụ không đúng quy định hoặc người nộp thuế tự ý thực hiện những hành vi vi phạm pháp luật về thuế thì Đại lý thuế không chịu trách nhiệm với người nộp thuế. Trường hợp Đại lý thuế vi phạm các quyền và nghĩa vụ gây thiệt hại cho người nộp thuế phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại khi người nộp thuế chứng minh được lỗi do Đại lý thuế.

3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về tổ chức và hoạt động đại lý thuế ở Việt Nam

Một là, cần xem xét đề ban hành Nghị Định và cần thiết hơn là Luật riêng điều chỉnh về Đại lý thuế. Điều này sẽ tạo nên nền tảng pháp lý vững chắc cho sự hình thành và hoạt động của Đại lý thuế. Đồng thời các quy định sẽ được thể hiện một cách có hệ thống, cụ thể tránh sự manh mún, rời rạc như trong các văn bản hiện hành.

Hai là, cần có quy định nhằm tăng cường giám sát hoạt động đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ thi cấp chứng chỉ và sử dụng chứng chỉ hành nghề dịch vụ thuế. Đây là quy định cần thiết nhằm đảm bảo cho việc đảm bảo chất lượng của các kỳ thi nghiệp vụ hành nghề cũng như việc cấp và sử dụng chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế. Tuy nhiên cần cân trọng để việc thực hiện giám sát không làm ảnh hưởng đến chiều hướng phát triển khách quan của hệ thống Đại lý thuế.

Ba là, cần có quy định cụ thể, rõ ràng hơn nữa về hợp đồng cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế giữa Đại lý thuế và người dân. Hợp đồng cung cấp dịch vụ là sự đảm bảo trung gian nên cần phải được xây dựng một cách phù hợp, chặt chẽ nhằm đảm bảo các bên đều cùng thống nhất cách thức thực hiện đảm bảo hiệu quả.

Thứ tư, pháp luật về Đại lý thuế cần tiếp cận dưới góc độ tạo nên quy chế phối hợp giữa cả ba bên là cơ quan thuế, Đại lý thuế và người nộp thuế. Quy chế này được lập ra dựa trên sự phát triển của thị trường, điều hướng hoạt động của Đại lý thuế tuy đảm bảo sự phát triển dịch vụ nhưng vẫn có khuôn khổ trong việc tư vấn, hỗ trợ đúng với quy định của pháp luật chứ không phải tư vấn đề lách luật hay liên quan đến các lợi ích bất hợp pháp. Chỉ khi nào mối quan hệ giữa cơ quan thuế, Đại lý thuế và người nộp thuế được kết nối đúng với bản chất theo quy định của pháp luật thì mới có thể nâng cao hiệu quả hoạt động của Đại

lý thuế, tạo niềm tin vững vàng của người nộp thuế đối với việc lựa chọn dịch vụ cũng như sự yên tâm đối với chính sách pháp luật cùng với sự nỗ lực của cơ quan thuế, đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước.

Thứ năm, kiến nghị về quy định xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu của từng Đại lý thuế và có sự kết nối trên cả hệ thống Đại lý thuế toàn quốc. Điều này đáp ứng được yêu cầu của thời đại số khi mà chủ trương giảm tải các thủ tục hành chính cũng như cần phải có chính sách khắc phục những khó khăn về mặt địa lý, vật lý làm ảnh hưởng đến việc liên hệ của người nộp thuế với đại lý thuế, của đại lý thuế với cơ quan thuế và ngược lại.

Tiểu kết chương 3

Bên cạnh những thành tựu đạt được, hoạt động của Đại lý thuế ở Việt Nam còn có những hạn chế nhất định. Sự thiếu chi tiết giữa các văn bản pháp luật và văn bản hướng dẫn liên quan vẫn còn nhiều nội dung chưa phù hợp. Việc nhìn nhận, đánh giá những hạn chế cũng như xây dựng các giải pháp khắc phục là mục tiêu ưu tiên trong công cuộc phát triển nền kinh tế Việt Nam nói chung và hoàn thiện các quy định về Đại lý thuế nói riêng.

PHẦN KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu đề tài “Pháp luật về tổ chức và hoạt động của Đại lý” với những mục tiêu đặt ra, tác giả đã tìm hiểu, phân tích, đánh giá những nội dung có liên quan đến hoạt động Đại lý thuế để hoàn thành mục tiêu nghiên cứu. Tác giả đã khái quát về Đại lý thuế thông qua việc tìm hiểu về lịch sử hình thành, phát triển của Đại lý thuế, rút ra khái niệm, đặc điểm, nội dung của Đại lý thuế; vai trò, tác động của hoạt động Đại lý thuế đối. Qua nghiên cứu, phân tích các quy pháp luật hiện hành về hoạt động của Đại lý thuế, tác giả nắm bắt được các quy định về điều kiện hành nghề của cá nhân và tổ chức hành nghề dịch vụ Đại lý thuế. Phạm vi hoạt động, các dịch vụ cung cấp, đối tượng khách hàng sử dụng dịch vụ và trách nhiệm của Đại lý thuế... Qua đó đưa ra những nhận xét về thực tiễn áp dụng pháp luật đối với hoạt động Đại lý thuế hiện nay, nêu những vấn đề bất cập còn tồn tại trong quy định pháp luật hiện hành. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất một số kiến nghị hoàn thiện quy định pháp luật điều chỉnh hoạt động Đại lý thuế, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động hành nghề và thúc đẩy sự phát triển của hệ thống Đại lý thuế cũng như hướng đến việc hình thành quy định pháp luật chuyên ngành riêng điều chỉnh hoạt động Đại lý thuế trong tương lai.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT

1. Quốc hội (2015), Bộ luật dân sự năm 2015 số 91/2015/QH13;
2. Quốc hội (2020), Luật Doanh nghiệp năm 2020 số 59/2020/QH14;
3. Quốc hội (2019), Luật quản lý thuế năm 2019 số 38/2019/QH1;
4. Quốc hội (2015), Luật Kế toán năm 2015 số 88/2015/QH13;
5. Quốc hội (2011), Luật kiểm toán độc lập năm 2011 số 67/2011/QH12;
6. Quốc hội (2006), Luật Quản lý thuế số 78/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006;
7. Bộ tài chính (2021), Thông tư số 10/2021/TT-BTC ngày 26/01/2021;
8. Bộ tài chính (2008), Thông tư số 28/2008/TT-BTC ngày 03 tháng 04 năm 2008;
9. Bộ tài chính (2012), Thông tư số 117/2012/TT-BTC ngày 19 tháng 07 năm 2012;
10. Bộ tài chính (2017), Thông tư số 51/2017/TT-BTC ngày 19 tháng 5 năm 2017;
11. Tổng cục thuế (2021), Quyết định số 1521/QĐ-CTT ngày 22/9/2021 về việc ban hành quy trình quản lý hành nghề dịch vụ làm thủ về thuế;

II. CÁC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tài liệu tham khảo tiếng Việt

- 1.1. Ngô Thị Quỳnh Dung (2021), *“Phát triển dịch vụ thuế tại công ty TNHH Đại lý thuế Cường Linh”*, Học viện Nông Nghiệp;
- 1.2. Huỳnh Minh Đức (2020), *“Pháp luật về đại lý thuế ở Việt Nam”*, Trường Đại học Kinh tế TP.HCM;
- 1.3. Trần Minh Hiệp (2019), *“Pháp luật về tổ chức kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế”*, Trường Đại học Luật TP.HCM;
- 1.4. TS. Nguyễn Thị Thanh Hoài (2020), *“Phát triển Đại lý thuế trong điều kiện Việt Nam hiện nay”*, Học viện Tài chính;
- 1.5. Nguyễn Cẩm Tâm (2013), *Phát triển dịch vụ thuế ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay*, luận văn Tiến sĩ (Học viện Tài Chính);

1.6. TS Đỗ Thị Thìn (2008), “Đại lý thuế và hiệp hội đại lý thuế ở Nhật Bản”, Tạp chí Thuế nhà nước, số 10(176), kỳ 2/3/2008;

2. Tài liệu tham khảo tiếng Anh

2.1. Tax agent services legislatio (2020), [online] Available at: <<https://www.tpb.gov.au/legislation>>, [Accessed 17/06/2020]

3. Tài liệu tham khảo trên Website, thông tin điện tử

3.1.<https://thanhvien.vn/viet-nam-se-co-15-trieu-doanh-nghiep-1851508912.htm>;

3.2.<https://tuoitre.vn/sach-trang-doanh-nghiep-viet-nam-2022-cho-thay-dieu-gi-20221123145745489.htm>;

3.3.<https://tapchitaichinh.vn/phat-trien-lanh-manh-dich-vu-thue-o-viet-nam.html>;